

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

## 1. Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

### Trilon® BX Liquid

Sử dụng: complexing agents for the chemical industry

Công ty:

BASF Vietnam Co. Ltd.  
12 Tu do Boulevard, Vietnam-Singapore IP  
Thuan An, Binh Duong, VIETNAM  
Điện thoại: +84 2743 743-100  
Số fax: +84 2743 743-200  
Địa chỉ mail: dinhnam.nguyen@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng nguy hiểm

Phân loại về chất và hợp chất:

Ăn mòn kim loại: Cat. 1

Độc cấp tính: Cat. 4 (Hô hấp - sương)

Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat. 2A

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể sau khi tiếp xúc nhiều lần (Hệ hô hấp): Cat. 2 (bằng việc hít vào)

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
 Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Cảnh báo:  
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H290 Có thể ăn mòn kim loại.  
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
 H332 Nguy hại nếu hít vào.  
 Có thể gây tổn thương cho các quan (Hệ hô hấp) thông qua tiếp xúc (hít phải) trong gian dài hoặc lặp lại.

Biện pháp phòng ngừa:

P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hay trong khu vực được thông thoáng tốt.  
 P280 Trang bị bảo vệ mắt/ mặt.  
 P261 Tránh hít hơi sương.  
 P260 Không hít bụi/ khí/ sương/ hơi hoá chất.  
 P234 Lưu trữ trong bao bì đạt tiêu chuẩn  
 P264 Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P312 Liên hệ với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.  
 P305+P351+P338 NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.  
 P304+P340 NẾU HÍT VÀO: Di chuyển ra nơi có không khí trong lành và nằm nghỉ ở vị trí có thể hít thở dễ chịu.  
 P314 Xin ý kiến tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.  
 P337 + P311 Nếu mắt vẫn còn bị kích ứng: Liên hệ ngay Trung tâm chất độc hoặc bác sĩ.  
 P390 Hấp thụ lượng tràn đổ để tránh làm hư hỏng vật liệu.

Lưu ý khi bảo quản:

P406 Cất trữ trong thùng chứa chống ăn mòn/... thùng chứa có lớp lót cách nhiệt bên trong.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501 Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

### 3. Thông tin về thành phần nguy hiểm

#### Bản chất của hoá chất

tetrasodium ethylenediaminetetraacetate, trong nước

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
 Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Thành phần nguy hại

tetrasodium ethylenediaminetetraacetate

Hàm lượng (W/W):  $\geq 25\%$  -  $< 50\%$  Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - bụi)  
 Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)  
 Số CAS: 64-02-8 Eye Dam./Irrit.: Cat. 1  
 STOT RE (Hệ hô hấp): Cat. 2 (bằng việc hít vào)

sodium hydroxide

Hàm lượng (W/W):  $\geq 0\%$  -  $< 1\%$  Met. Corr.: Cat. 1  
 Số CAS: 1310-73-2 Skin Corr./Irrit.: Cat. 1A  
 Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

**4. Biện pháp sơ cấp cứu khi gặp tai nạn**

Khuyến cáo chung:  
 Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
 Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:  
 Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
 Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:  
 Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:  
 Triệu chứng: Kích ứng mắt, khó thở, các chứng bệnh về đường ruột hay dạ dày, Kích ứng những lớp màng nhầy  
 Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

**5. Biện pháp chữa cháy**

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
 Phun nước, bột khô, bọt

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
 những chất dạng hơi có hại  
 Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
 Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Thông tin bổ sung:

Nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

---

## 6. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:

Chứa nước nhiễm bản/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

---

## 7. Sử dụng và bảo quản

### Hướng dẫn sử dụng

Không phương thức đặc biệt nào cần thiết với điều kiện sản phẩm được sử dụng đúng cách.

Phòng chống cháy nổ:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

### Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Thép không gỉ 1.4401, Thép không gỉ 1.4301 (V2), Thủy tinh được thêm chất dẻo (GRP), Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, Kính, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi thoáng mát

Sản phẩm được đóng gói không bị phá hủy ở nhiệt độ thấp hoặc do đông lạnh.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 50 °C

---

## 8. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
 Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

V?t li?u phù h?p n?u ti?p xúc ng?n h?n (?? ngh?: ít nh?t là ch? s? b?o v? 2, t??ng ?ng >30 phút th?i gian th?m th?u theo EN 374)

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Đề nghị mặc trang phục làm việc bó sát.

## 9. Đặc tính hóa lý

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	hơi vàng	
Mùi:	không mùi	
Ngưỡng mùi:	không được xác định	
Giá trị pH:	11 - 12 (10 g/l, 23 °C)	(DIN 19268)
Điểm nóng chảy:	-5 °C	
Điểm chớp cháy:	> 100 °C	(DIN 51758)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không bắt cháy	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	> 200 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	không được xác định	
Tự bắt cháy:	không tự cháy	
Nguy cơ nổ:	không áp dụng	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	tương đương 20 mbar (20 °C)	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
 Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Tỷ trọng:	tương đương 1.29 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)	(DIN 51757)
Tỷ trọng tương đối:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không được xác định	
Tính tan trong nước:	có thể pha trộn	
Khả năng pha trộn với nước:	có thể trộn lẫn với mọi tỷ lệ.	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	-13 (Giá trị pH: > 7)	
Tính nhớt, động lực:	20 mPa.s (23 °C)	

Thông tin khác:

Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

## 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Những điều kiện cần tránh:  
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: không được xác định

Những chất cần tránh:  
 các kim loại lưỡng tính, các kim loại nhẹ

Sự ăn mòn kim loại: Ăn mòn trên:  
 nhôm

Những phản ứng nguy hiểm:  
 Không xảy ra các phản ứng nguy hiểm khi cất trữ và sử dụng theo hướng dẫn.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:  
 Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

## 11. Thông tin về độc tính

### Độ độc cấp tính

Đánh giá độ độc cấp tính:  
 Độc tính vừa phải sau khi hít trong thời gian ngắn. Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
 LD50 chuột (miệng): > 2,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

LC50 chuột (bằng cách hít phải):

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

không được xác định

LD50 chuột (da):  
không được xác định

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate  
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LD50 chuột (miệng): > 1,780 - < 2,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate  
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 1 mg/l  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Thí nghiệm sol khí.

### Kích ứng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thô: (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thô: (Thí nghiệm BASF)

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate  
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thô: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate  
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thô: tổn thương không thể thay đổi được (Thí nghiệm BASF)

### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate  
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mất cảm. (OECD hướng dẫn 406)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

### Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate  
Đánh giá khả năng gây đột biến:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Trong phần lớn các thí nghiệm được tiến hành (cấy vi khuẩn/các vi sinh vật/tế bào) không tìm thấy tác động đột biến. Tác động đột biến cũng không được quan sát trong các thí nghiệm trên cơ thể sống.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Trong những nghiên cứu lâu dài trên chuột và chuột nhà khi cho chúng ăn, không ghi nhận được tác dụng gây ung thư. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate

Đánh giá vấn đề quái thai:

Gây các tác động ngày càng tiến triển ở động vật với liều độc cao đối với người mẹ.

### **Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn):**

Ghi chú: Không có sẵn các dữ liệu.

### **Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylenediaminetetraacetate

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc với hoá chất qua đường hô hấp nhiều lần có thể gây hại cho các cơ quan đặc biệt của người.. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

## 12. Thông tin về sinh thái môi trường

### Độc sinh thái

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 100 mg/l, *Leuciscus idus*

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna*

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h), tảo

không được xác định

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

> 100 mg/l (DEV-L2)

Việc hít phải quá trình hoạt động phân hủy trong bùn hoạt tính không thể dự đoán được trong khi đưa ra nồng độ thấp.

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sự kìm hãm quá trình phân hủy của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 100 mg/l, Cá *Lepomis* (OPP 72-1 (Hướng dẫn -EPA ), tỉnh điện)

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna* (DIN 38412 Phần 11, tỉnh điện)

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (Chỉ thị 88/302/EEC, phần C, trang 89, tỉnh điện)

Nồng độ danh nghĩa.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:  
EC20 (30 min) > 500 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (Hướng dẫn OECD 209, ở dưới nước)  
Nồng độ danh nghĩa. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi  
cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp. Sản phẩm chưa  
được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần  
tương tự.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
Độc mãn tính cho loài cá:  
Nồng độ tác động không quan sát được (35 d)  $\geq$  36.9 mg/l, *Brachydanio rerio* (, Chảy qua.)  
Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích. Sản phẩm chưa được thử  
nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:  
Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), 25 mg/l, *Daphnia magna* (OECD Hướng dẫn 211,  
bán tĩnh)  
Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay  
sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:  
Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
Vi sinh vật sống trong đất:  
LC50 (14 d) 156 mg/kg, *Giun Eisenia foetida* (Hướng dẫn OECD 207, đất nhân tạo)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc  
hoặc thành phần tương tự.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
Những loài động vật không có vú trên cạn khác:  
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:  
Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.  
Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

### **Tính bền và tính biến chất**

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
 Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
 Đánh giá tính ổn định trong nước:  
 Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

### Tham số/ Giới hạn tổng

Nhu cầu Oxy lý thuyết (ThOD): 240 mg/g

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:  
 Sản phẩm không được thí nghiệm.

Thông tin trên: tetrasodium ethylene diamine tetraacetate  
 Khả năng tích lũy sinh học:  
 Yếu tố nồng độ sinh học: tương đương 1.8 (28 d), Cá Lepomis  
 Không tích tụ đáng kể trong các cơ quan.

### Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:  
 Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:  
 Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên.

## 13. Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:  
 Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.  
 Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

## 14. Quy định về vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

Nhóm đóng gói:	III
Số ID:	UN 3267
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	8
Tên vận chuyển phù hợp:	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S. (contains ETHYLENEDIAMINETETRAACETIC ACID NA4-SALT) SOLUTION CORROSIVE ON ALUMINIUM

Vận tải đường thủy  
 IMDG

Sea transport  
 IMDG

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
 Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Nhóm đóng gói:	III	Packing group:	III
Số ID:	UN 3267	ID number:	UN 3267
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	8	Transport hazard class(es):	8
Ô nhiễm hàng hải:	KHÔNG	Marine pollutant:	NO
Tên vận chuyển phù hợp:	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S. (contains ETHYLENEDIAMINETETRAACETIC ACID NA4-SALT) SOLUTION CORROSIVE ON ALUMINIUM	Proper shipping name:	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S. (contains ETHYLENEDIAMINETETRAACETIC ACID NA4-SALT) SOLUTION CORROSIVE ON ALUMINIUM

**Vận tải hàng không**

IATA/ICAO  
 Nhóm đóng gói: III  
 Số ID: UN 3267  
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 8  
 Tên vận chuyển phù hợp: CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S. (contains ETHYLENEDIAMINETETRAACETIC ACID NA4-SALT) SOLUTION CORROSIVE ON ALUMINIUM

**Air transport**

IATA/ICAO  
 Packing group: III  
 ID number: UN 3267  
 Transport hazard class(es): 8  
 Proper shipping name: CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S. (contains ETHYLENEDIAMINETETRAACETIC ACID NA4-SALT) SOLUTION CORROSIVE ON ALUMINIUM

**15. Thông tin về luật pháp**

Thành phần quyết định mối nguy hiểm cho việc dán nhãn: ETHYLENEDIAMINETETRAACETIC ACID NA4-SALT

**Những quy định khác****16. Thông tin khác**

Thông tin cho việc dự kiến sử dụng: Sản phẩm này là của đặc trưng công nghiệp và trừ khi được chỉ rõ hoặc đồng ý khác được dùng dành riêng cho ngành công nghiệp. Bao gồm cách sử dụng được đề cập và đề nghị. Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Trong sự liên hệ cụ thể này, việc áp dụng cho những sản phẩm là mục tiêu của những quy định và tiêu chuẩn đặc biệt.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 19.09.2018  
Sản phẩm: **Trilon® BX Liquid**

Phiên bản: 1.0

---

(30043447/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 20.09.2018

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.